

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1, NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN ĐỊA LÍ .LỚP 12

A. TRẮC NGHIỆM

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta theo hướng

- A. tây bắc. B. đông bắc. C. đông nam. D. tây nam.

Câu 2: Gió tín phong nửa cầu Bắc chiếm ưu thế từ khu vực dãy Bạch Mã trở vào Nam có hướng

- A. Tây Bắc. B. Tây Nam. C. Đông Nam. D. Đông Bắc.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi ở nước ta?

- A. Mạng lưới dày đặc. B. Ít phù sa.
C. Nhiều nước. D. Thủy chế theo mùa.

Câu 4: Phần lãnh thổ phía Nam của nước ta có

- A. mùa mưa kéo dài quanh năm. B. biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
C. nhiều loài thú lông dày trong rừng. D. rau vụ đông trồng ở đồng bằng.

Câu 5: Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. B. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
C. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm. D. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 6: Sự suy giảm tài nguyên sinh vật nước ta được thể hiện rõ qua

- A. suy giảm kiểu hệ sinh thái, suy giảm các loài tôm.
B. suy giảm các loài động vật trên cạn và dưới nước.
C. suy giảm tài nguyên rừng, suy giảm đa dạng sinh học.
D. suy giảm nguồn thủy, hải sản.

Câu 7: Ý nào sau đây không phải là biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên nước ở nước ta?

- A. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm.
B. Mực nước ngầm bị hạ thấp.
C. Thiếu nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất.
D. Nguồn nước phân bố không đều trong không gian.

Câu 8: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là

- A. thiên tai bão lũ. B. đốt nương làm rẫy
C. khai thác quá mức. D. sinh vật ngoại lai xâm nhập.

Câu 9: Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở đồng bằng. B. phân bố đều khắp giữa các vùng.
C. quy mô dân số có xu hướng giảm. D. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

Câu 10: Dân số nước ta hiện nay

- A. quy mô lớn, phân bố rất hợp lí. B. phân bố đồng đều, tăng chậm.
C. đông, cơ cấu tuổi có sự thay đổi. D. tăng nhanh, ít thành phần dân tộc.

Câu 11: Lao động nước ta

- A. có chất lượng ngày càng tăng. B. đã qua đào tạo với tỉ lệ rất cao.
C. hầu hết có trình độ kĩ thuật cao. D. có truyền thống về thương mại.

Câu 12: Dân số đông tạo ra thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
B. đông dồi dào, chất lượng lao động tăng lên.
C. thị trường tiêu thụ lớn, hạn chế thu hút đầu tư nước ngoài.
D. lao động trẻ, có khả năng tiếp thu nhanh khoa học kĩ thuật.

Câu 13: Tỉ trọng lao động trong các ngành kinh tế nước ta đang thay đổi theo hướng

- A. giảm dịch vụ, giảm nông nghiệp. B. tăng công nghiệp, tăng dịch vụ.
C. tăng dịch vụ, tăng nông nghiệp. D. giảm nông nghiệp, giảm dịch vụ.

Câu 14: Các đô thị lớn ở nước ta hiện nay

- A. thu hút nhiều dự án đầu tư.
B. chưa được đầu tư giao thông.
C. thương mại không phát triển.
D. nhiều tài nguyên khoáng sản.
- Câu 15:** Thành phần kinh tế nào có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?
A. Kinh tế Nhà nước.
B. Kinh tế ngoài Nhà nước.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
D. Kinh tế tư nhân.
- Câu 16:** Thành phần kinh tế nào có vai trò phát huy nguồn lực trong nhân dân?
A. Kinh tế Nhà nước.
B. Kinh tế ngoài Nhà nước.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
D. Kinh tế tư nhân.
- Câu 17:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng
A. hội nhập kinh tế toàn cầu.
B. công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. phát triển nền kinh tế thị trường.
D. phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- Câu 18:** Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng
A. giảm chế biến, tăng việc khai khoáng.
B. giảm chăn nuôi, tăng ngành trồng trọt.
C. tăng công nghiệp và dịch vụ.
D. tăng ngành dịch vụ, giảm công nghiệp.
- Câu 18:** Chăn nuôi bò sữa của nước ta phát triển mạnh ở khu vực nào sau đây?
A. Đồng bằng duyên hải.
B. Các đồng bằng ven sông.
C. Các vùng cao nguyên.
D. Khu vực núi cao hiểm trở.
- Câu 20:** Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?
A. Trung du và miền núi phía Bắc.
B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ.
D. Nam Trung Bộ.
- Câu 21:** Vùng có sản lượng lúa lớn nhất nước ta là
A. Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đông Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 22:** Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là
A. ôn đới.
B. nhiệt đới.
C. cận nhiệt.
D. xích đạo.
- Câu 23:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là
A. cây lương thực.
B. cây rau đậu.
C. cây công nghiệp.
D. cây ăn quả.
- Câu 24:** Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là
A. Trung du và miền núi phía Bắc.
B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 25:** Nguồn cung cấp thịt chủ yếu trên thị trường nước ta hiện nay là từ chăn nuôi
A. lợn.
B. gia cầm.
C. trâu.
D. bò.
- Câu 26:** Sản xuất lương thực ở nước ta hiện nay
A. có năng suất và diện tích tăng nhanh.
B. cây lúa chiếm vị trí chủ đạo.
C. chỉ dùng để cung cấp hàng xuất khẩu.
D. hoàn toàn dùng để chăn nuôi gia cầm.
- Câu 27:** Vùng chuyên canh chè lớn nhất nước ta
A. Đông Nam Bộ.
B. Bắc Trung Bộ.
C. Nam Trung Bộ.
D. Trung du và miền núi phía Bắc.
- Câu 28:** Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là
A. địa hình đa dạng.
B. đất feralit.
C. khí hậu nhiệt đới.
D. nguồn nước.
- Câu 29:** Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?
A. Trong rừng có nhiều gỗ và lâm sản quý.
B. Diện tích rừng giàu được phục hồi nhanh.
C. Rừng trồng chiếm phần lớn trong tổng diện tích rừng.
D. Tài nguyên rừng phân bố đồng đều giữa các vùng.
- Câu 30:** Ý nghĩa sinh thái to lớn của các hoạt động lâm nghiệp ở nước ta là
A. tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân.
B. bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.
C. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp giấy.
D. cung cấp nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.
- Câu 31:** Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành thủy sản ở nước ta?
A. Khai thác thủy sản nội địa chiếm tỉ trọng nhỏ.

- B. Sản lượng khai thác luôn cao hơn nuôi trồng.
 C. Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỉ trọng lớn.
 D. Khai thác hải sản xa bờ đang được đẩy mạnh.
- Câu 32:** Hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta gặp những khó khăn chủ yếu nào sau đây?
 A. Vùng biển rộng lớn, tài nguyên đa dạng. B. Có nhiều ngư trường, bãi cá lớn.
 C. Bão, áp thấp nhiệt đới và môi trường suy thoái. D. Nhiều vùng, vịnh, đầm phá ven bờ.
- Câu 33:** Ngư trường nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là
 A. Hoàng Sa - Trường Sa. B. Cà Mau – An Giang.
 C. Khánh Hòa - Lâm Đồng - TP Hồ Chí Minh. D. Hải Phòng - Quảng Ninh.
- Câu 34:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là
 A. đường bờ biển dài, nhiều ngư trường. B. nhiều sông suối, chế độ nước theo mùa.
 C. có nhiều hồ thủy điện, nhiều thác ghềnh. D. nhiều sông, ao hồ, bãi triều, vùng, vịnh.
- Câu 35:** Điều kiện nào sau đây thuận lợi cho nước ta phát triển đánh bắt thủy sản?
 A. Nhiều cửa sông, đầm phá. B. Sông ngòi, ao hồ dày đặc.
 C. Đồng bằng có nhiều ô trũng. D. Biển có nhiều ngư trường lớn.
- Câu 36:** Nhà Nước chú trọng đánh bắt xa bờ không phải vì
 A. nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt. B. ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng.
 C. nâng cao hiệu quả đời sống cho ngư dân. D. có nhiều phương tiện đánh bắt hiện đại.
- Câu 37:** Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy sản ven bờ ở nước ta hiện nay là
 A. nguồn lợi sinh vật giảm sút nghiêm trọng. B. vùng biển ở một số địa phương bị ô nhiễm.
 C. nước biển dâng, bờ biển nhiều nơi bị sạt lở. D. có nhiều cơn bão xuất hiện trên Biển Đông.
- Câu 38:** Hình thức sản xuất chủ yếu nào sau đây đưa nông nghiệp nước ta lên nền sản xuất hàng hóa?
 A. Hợp tác xã. B. Nông trường. C. Hộ gia đình. D. Trang trại.
- Câu 39:** Đây là điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?
 A. Địa hình. B. Đất đai.
 C. Khí hậu. D. Nguồn nước.
- Câu 40:** Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến sẽ có tác động
 A. tạo thêm nhiều nguồn hàng xuất khẩu có giá trị.
 B. thực hiện cơ giới hoá, hoá học hoá, thủy lợi hoá.
 C. thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.
 D. khai thác tốt hơn tiềm năng về đất đai, khí hậu.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin

Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế là kết quả của công cuộc đổi mới, của chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, với vai trò của các thành phần kinh tế khác nhau.

- a) Kinh tế Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
 b) Kinh tế ngoài nhà nước giữ vai trò chủ đạo, quản lý các ngành, lĩnh vực then chốt.
 c) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong thu hút đầu tư và công nghệ.
 d) Kinh tế ngoài nhà nước giữ vai trò tạo động lực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế nước ta có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tỉ trọng đóng góp trong cơ cấu GDP tăng lên. Tỉ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng giảm.

- a) Cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
 b) Tỉ trọng đóng góp của ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP ngày càng tăng.
 c) Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng giảm.

d) Cơ cấu lao động chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 3. Cho thông tin sau: Cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế của nước ta có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng của kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng của kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Sự chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế là kết quả của đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; tăng cường mở cửa, hội nhập với nền kinh tế của thế giới; áp dụng cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

a) Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo do nắm giữ những ngành then chốt và những lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế.

b) Kinh tế ngoài Nhà nước là thành phần kinh tế phát huy nguồn lực trong nhân dân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương và cả nước.

c) Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là công cụ, lượng lực quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng và điều tiết, dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

d) Các thành phần kinh tế có mối quan hệ và tác động lẫn nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm ở nước ta

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm	Trong đó			
		Chè	Cà phê	Cao su	Hồ tiêu
2010	2010,5	129,9	554,8	748,7	51,3
2024	2 168,8	121,9	731,9	909,3	109,8

(Nguồn: Cục Thống kê, 2025)

a) Năm 2010 diện tích cây cao su lớn nhất.

b) Tỉ lệ diện tích các cây công nghiệp đều tăng.

c) Năm 2024 diện tích cây cà phê lớn hơn diện tích cây hồ tiêu 7,6 lần

d) Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng là do mang lại giá trị kinh tế cao.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, chủ yếu là đồi núi thấp, một số vùng có các cao nguyên (Trung du và miền núi phía Bắc, Nam Trung Bộ). Khu vực này có đất feralit là chủ yếu, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, cây ăn quả; có các đồng cỏ lớn thích hợp để phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

a) Địa hình là một trong các thế mạnh tự nhiên để phát triển nông nghiệp nước ta.

b) Địa hình đồi núi với đất feralit chiếm diện tích lớn thuận lợi cho phát triển các loại cây lâu năm. (Đúng)

c) Chăn nuôi gia súc lớn tập trung chủ yếu ở các đồng bằng do có nhiều thuận lợi về nguồn thức ăn .

d) Cao su phân bố chủ yếu trên đất đá vôi và đất xám trên phù sa cổ ở nước ta. .

Câu 6: Cho thông tin sau:

Với 3260 km đường bờ biển trải dài từ Bắc vào Nam, Việt Nam không chỉ có nhiều vịnh, biển đẹp xứng tầm thế giới, mà còn có nguồn hải sản phong phú về chủng loại.

a) Vùng biển rộng, đường bờ biển dài là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển cả khai thác và nuôi trồng thủy sản.

b) Tài nguyên hải sản phong phú, năng suất cao nên mỗi năm nước ta đánh bắt được không dưới chục triệu tấn hải sản.

c) Sản lượng thủy sản lớn là nguồn hàng xuất khẩu quan trọng của nước ta, mang lại giá trị kinh tế cao.

d) Nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế đang được nước ta đẩy mạnh khai thác chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước.

Câu 7. Cho thông tin sau:

Tổng diện tích rừng nước ta năm 2021 là hơn 14 745,2 nghìn ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm 69,0%,

còn lại là rừng trồng; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42,0%. Vùng có diện tích rừng lớn nhất nước ta là Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, tiếp đến là Trung du và miền núi phía Bắc.

- a) Theo mục đích sử dụng, rừng của nước ta được chia thành nhiều loại.
- b) Diện tích rừng của nước ta rất lớn, độ che phủ rừng khá cao do địa hình nước ta 3/4 là đồi núi. (Sai)
- c) Diện tích rừng tự nhiên của nước ta lớn do chủ trương của Nhà nước trong việc phục hồi và phát triển vốn rừng.
- d) Biện pháp để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta là trồng rừng trên đất trống, đồi trọc, giao quyền sử dụng đất rừng cho người dân.

Câu 8. Cho thông tin sau:

Nhà nước đã ban hành nhiều quy định về khai thác hải sản, như: hỗ trợ vay vốn tín dụng đóng mới tàu cá khai thác xa bờ, hỗ trợ chi phí nhiên liệu, hỗ trợ bảo hiểm, hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch, khắc phục rủi ro, thiên tai, hỗ trợ thiết bị thông tin, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển, tạo cơ sở phát triển nhanh đội tàu cá đánh bắt xa bờ và tăng nhanh sản lượng.

- a) Xu hướng phát triển ngành khai thác thủy sản ở nước ta là tăng cường đánh bắt xa bờ.
- b) Khó khăn về mặt tự nhiên tác động đến hoạt động khai thác hải sản là gió mùa đông bắc và hoạt động của bão.
- c) Việc đẩy mạnh phát triển đội tàu cá ở nhiều địa phương ven biển đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm đánh bắt.
- d) Hoạt động đánh bắt hải sản xa bờ gần đây phát triển mạnh chủ yếu do thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 2. Tại độ cao 1000 m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn có nhiệt độ là 34°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 3. Biết đỉnh núi Phanxipăng cao 3.147 m, nếu nhiệt độ tại đỉnh này là 20°C thì trong cùng thời điểm, nhiệt độ ở chân núi sườn núi đón gió sẽ là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân)?

Câu 4: Cho số liệu năm 2024 của nước ta về diện tích rừng là 149 nghìn km² và diện tích tự nhiên là 331 nghìn km². Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2024 là bao nhiêu % (kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất)? (Nguồn: Tổng cục thống kê)

Câu 5: Dân số Việt Nam năm 2024 là 101,3 triệu người, diện tích là 331 nghìn km² (Theo niên giám thống kê năm 2023). Vậy mật độ dân số năm 2024 của Việt Nam là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000-2024

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2015	2021	2024
Tổng số dân	77,6	92,2	98,5	101,3

(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2025)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy:

- a. Cho biết dân số năm 2024 tăng bao nhiêu triệu người so với năm 2000? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)
- b. Cho biết dân số năm 2024 tăng bao nhiêu % so với năm 2000 (Lấy năm 2000 làm gốc = 100%)? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 7: Năm 2024 dân số nước ta là 101,3 triệu người, trong đó số dân thành thị là 39 triệu người. Hãy cho biết, tỉ lệ dân thành thị và tỉ lệ dân nông thôn của nước ta là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)

Câu 8: Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê Việt Nam: Năm 2022, tổng số lao động nước ta là 51 705 nghìn người, tỉ lệ lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản là 27,5%. Hãy

tính số lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản nước ta năm 2022. (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất của triệu người)

Câu 9: Năm 2024, sản lượng cá nuôi của nước ta đạt 3,8 triệu tấn, sản lượng tôm nuôi đạt 1,3 triệu tấn. Hãy cho biết, năm 2024 sản lượng cá nuôi lớn gấp bao nhiêu lần sản lượng tôm nuôi (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

Câu 10: Số lượng đàn trâu năm 2010 của nước ta là 2,9 triệu con, đến năm 2024 là 2,0 triệu con. Vậy trâu ở nước ta năm 2024 giảm bao nhiêu triệu con và % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

Câu 11: Năm 2024, sản lượng lương thực có hạt của nước ta là 47,9 triệu tấn, dân số là 101,3 triệu người. Hãy tính bình quân lương thực có hạt theo đầu người của nước ta năm 2024 là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 12: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2015	2021	2024
Khai thác	2,5	3,2	3,9	3,9
Nuôi trồng	2,7	3,5	4,9	5,8
Tổng	5,2	6,7	8,8	9,7

(Nguồn: Cục Thống kê, 2025)

- Tính tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng thủy sản, sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2010 – 2024 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).
- Hãy cho biết tỉ lệ sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta năm 2024 là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).
- Hãy cho biết, năm 2024 tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

B. TỰ LUẬN

- Nêu được vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.
- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi).
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp.
- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản.
- Phân tích biểu đồ hoặc số liệu thống kê và giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nước ta.